



1756

NHỮNG NGÀY GIAN KHỔ

TẬP HỒI KÝ

VĂN HỌC

NHỮNG NGÀY GIAN KHỔ

tập hồi ký từ miền Nam gửi ra

NHÀ XUẤT BẢN VĂN HỌC

Hà-nội — 1965

LỜI NÓI ĐẦU

Dù bọn cướp Mỹ có liều lĩnh, tàn bạo đến đâu trong âm mưu xâm lược miền Nam, chúng ta vẫn vững lòng tin rằng: đồng bào miền Nam anh hùng của chúng ta nhất định sẽ đánh bại chúng. Những ngày gian khổ sẽ thêm cho chúng ta một chứng minh sống cho chân lý đó.

Đây là một tập hồi ký do một số cán bộ đã sát cánh với nhân dân trong những ngày cực kỳ gian khổ dưới chế độ ngục tù man rợ của Mỹ—Diệm viết ra, kết thúc lớp thông tin văn nghệ khóa đầu tiên (1963), và đã được Hội Văn nghệ Giải phóng xuất bản. Những bài hồi ký này kể lại cuộc sống chiến đấu của nhân dân và cán bộ trong thời kỳ khó khăn nhất của cách mạng miền Nam. Dù chỉ là những mẩu chuyện về hoạt động của một số cán bộ, (hầu hết là cán bộ cơ sở) trong một số địa phương nhất định; dù người viết phần đông mới cầm bút lần đầu, nhưng tập sách lối cuốn được chúng ta bằng lời văn giản dị, trong sáng, bằng nội dung phong phú của nó. Tất cả đều làm bật lên được lòng yêu nước nồng nàn, tinh thần cách mạng triệt để, tinh thần hy sinh cao cả, tình cả nước vô cùng xúc động giữa cán bộ và nhân dân ta ở tuyến đầu chống Mỹ.

In lại Những ngày gian khổ, Nhà xuất bản Văn học không chỉ muốn giới thiệu với bạn đọc tập hồi ký đầu tiên của nền văn học cách mạng miền Nam, mà còn hy vọng đem lại cho bạn đọc môn ăn tinh thần bổ ích giữa lúc cuộc chiến đấu chống Mỹ của toàn dân ta từ Nam chí Bắc đang bước vào giai đoạn quyết liệt nhất.

NHÀ XUẤT BẢN VĂN HỌC

QUA NHỮNG NGÀY ĐẦU GIAN KHỔ

Tháng 12 năm 1958 tôi được điều động về xã Phú-mỹ, công tác vùng Ba-tiệm, ở nhà vợ chồng anh út Ớn. Hồi đó bọn địch ở quận, ở tỉnh vừa hăm dọa, vừa kêu gọi, mua chuộc hay gây hoài nghi trong quần chúng, để bắt cán bộ ra đầu hàng chúng nó. Còn ở xã, tỉnh thoảng chúng cho lính bảo an, chủ lực về xã ~~vào~~ ~~đi~~ đánh phá cơ sở cách mạng, nhất là nhắm vào những cán bộ kháng chiến được nhân dân yêu mến nhiều.

Bước qua năm 1959, tình hình ở xã ngày càng căng thêm. Bọn « khăn xanh, khăn đỏ » thay phiên nhau tới lui như bầy chó dữ, bắt đầu khủng bố trắng trợn, rún ép quần chúng vào « phong trào cách mạng quốc gia », bắt thanh niên vào « tự vệ hương thôn », và gài lưới gián điệp. Bọn tề ở xã, ở ấp, bọn điếm chỉ viên mọc lên, đòi tên phản động ra mặt. Địa chủ ngóc đầu dậy, có tên dựa vào địch để cướp đất của nông dân, thu tô, chửi bới cách mạng. Phong trào nhân dân đấu tranh chống địch bắt người trái phép, cướp đất bị hạn chế và gặp nhiều khó khăn.

Trước tình hình đó tôi đang băn khoăn lo lắng, chưa biết phải đối phó như thế nào thì ngày 15 tháng Giêng tôi nhận được thư hỏa tốc về họp nghe phổ biến tình hình nhiệm vụ mới. Lòng tôi vui như hội.

Cuộc họp tại một địa điểm ở khu rừng chồi Bồ Đề, ven sông Thọ-mai. Mười mấy người chúng tôi ngồi quanh trong gian chồi hẹp, núp kín dưới đám chà là rậm rạp, nghe báo cáo tình hình toàn xã: trong xã, tuy cơ sở cách mạng còn đều khắp và khá mạnh, nhưng địch đang lấn ta từng bước, âm mưu đẩy lùi ta dần dần ra khỏi quần chúng, đề tiêu diệt phong trào.

Sau đó, chúng tôi nghe phổ biến về tình hình và nhiệm vụ mới:

... « Mỹ Diệm đang ra sức hồi sinh lại bọn địa chủ, cường hào, lợi dụng lưu manh, bủa lưới gián điệp, điếm chỉ viên, làm nòng cốt cho tổ chức chánh trị phản động « phong trào cách mạng quốc gia » và lực lượng bán quân sự thanh niên « tự vệ hương thôn », với mục đích rún ép quần chúng nông dân đánh lại Cách mạng... ».

Cũng trong buổi họp này, chúng tôi nghe kể lại ở đôi nơi, « tự vệ hương thôn » dưới sự thúc ép của địa chủ đã nổi lên bắt cán bộ ta nạp cho địch.

Nghe những điều này, lòng chúng tôi như xát muối, nhưng tôi nghĩ: ở các xã khác thì có thể xảy ra như vậy, chớ ở xã Phú-mỹ là một xã căn cứ hồi kháng chiến và đến nay phong trào cách mạng vẫn vững vàng, thì nhất định địch không thể đẩy nhân dân đánh lại Cách mạng được.

Nhưng chúng tôi vừa trở về xã chưa được bao lâu, thì địch đã đem về đây một tiểu đoàn « đồ rắn » (1), với

1. Bọn lính nguy ác ôn, mặc quần áo rắn ri. (Tất cả những chủ thích trong tập này là của nhà xuất bản Văn học).

bọn công an, mật vụ, đội lốt « công dân vụ ». Chúng định lấy xã này làm nơi thí điểm của « quân khu năm » (gồm sáu tỉnh miền Tây Nam-bộ) để rút kinh nghiệm về việc dùng « tự vệ hương thôn » và « phong trào cách mạng quốc gia » đánh phá ở vùng căn cứ kháng chiến cũ. Đài phát thanh của chúng tuyên bố là: « Mùa khô năm nay sẽ quét sạch Việt cộng và hình định xong xã này ».

Mở đầu, chúng nó đến ấp Xẻo được, ven sông Bà dầm, nơi cơ sở ta mạnh, ở xa đồn địch và địa hình sầm uất. Chúng đi gom đồng bào lại, nhưng từ sáng đến trưa, già trẻ lớn bé chỉ gom được vồn vện vài ba mươi người, ít hơn bọn lính của chúng. Và mặc sức cho tên trưởng đoàn công dân vụ găm găm giữ giữ trong chiếc máy phóng thanh diếc tai nhức óc, kêu gọi « chống cộng, tố cộng... » đồng bào chỉ ngồi im, các bà, các chị thì rủ nhau béo ngất con khóc rùm lên, từng lúc lại làm đứt quãng những lời nó nói. Cuối cùng nó dừng lại hỏi:

— Ai có ý kiến gì không? Tự do nói...

Yên lặng.

Nó lại hỏi một lần nữa, giọng đe dọa. Mọi người đang nhìn nhau thì mẹ Năm đã đứng dậy. Mẹ nói:

— Mấy ông nói « Việt cộng » tàn ác, tôi mới nghe lần này. Ở đây không có chuyện như vậy. Còn « quốc gia » đánh Tây hồi nào tôi chẳng biết, cũng lần này mới nghe các ông nói!

Tên công dân vụ đỏ mặt, âm ỉc không trả lời được. Một vài nông dân gật gù, thích chí. Một lát sau tên công dân vụ mới ấp úng trả lời bằng quơ:

— Thi... « Tổng thống Ngô Đình Diệm » đuổi hai mươi lăm vạn quân Pháp về nước đó!...

Cuộc họp nhốn nháo lên. Nó cuống quit tuyên bố giải tán.

Tối hôm đó mẹ Năm bị bắt về đồn Vàm-dình, bị đủ mọi thứ cực hình, rồi bị giải đi quận, đi tỉnh. Qua mỗi trại giam, mẹ lại bị những cuộc tra tấn mới, những cực hình mới. Chúng bắt mẹ học « cải huấn » năm lần, bảo mẹ nói « Quốc gia chính nghĩa, Việt cộng tàn ác », thì chúng sẽ thả mẹ ra. Nhưng mẹ nhất quyết không chịu. Cuối cùng sau hai mươi lăm tháng hành hạ đủ điều, bọn giặc phải trả mẹ về.

Cách những chuyện trên vài ngày, tôi và Sĩ gặp Tô đề bàn về công tác thanh niên. Tô hồi ấy hai mươi tuổi, vóc người mảnh khảnh, thích hát, múa, ai cũng mến yêu. Anh làm phân đoàn trưởng « Thanh niên Cách mạng nhân dân » ấp Bà đầm. Chúng tôi gặp nhau bàn công việc đến mười giờ đêm là xong. Tô dẫn tôi và Sĩ vào xóm. Vừa đến hậu vườn, thỉnh thoảng trong bụi rậm có người nhảy ra vật Tô té xuống đất. Mấy tên nữa ào tới bắt trời Tô. Tô biết mình sa vào tay giặc cố kêu lên thật to: « Giặc phục kích, tôi bị hất rồi!... » Sĩ và tôi tháo lui trở lại. Định xả súng bắn theo ào ào.

Bọn chúng đã vây đánh Tô, dẫn anh vô xóm bảo chỉ cán bộ. Tô hét vào mặt chúng nó: « Đả đảo Mỹ Diệm!... » « Đả đảo quân sát nhân!... ». Tiếng hét của anh lồng lộng trong đêm vắng, tiếp theo « ẹt » một loạt súng rợn người...

Sáng hôm sau, đồng bào ngậm ngùi chôn Tô trên vòm kinh Kỳ Nghĩa, sau này còn dựng lên bên mộ anh một ngôi miếu nhỏ.

Từ đó nhân dân xã Phú-mỹ lại sống những ngày máu lửa như hồi kháng chiến. Tiếng súng đi đùng khắp thôn xóm, bất kể ngày đêm.

Ngày thì bọn lính « đồ rắn » dẫn « tự vệ hương thôn » sục sạo trong vườn, ngoài ruộng. Đêm, chúng lục xét nhà cán bộ, rình rập các ngã đường... Chúng bắt buộc đồng bào vào các tổ chức phản động, bỏ công ăn việc làm đi học « chống cộng, tố cộng » hàng mười ngày, nửa tháng liền. Chúng bắt những cán bộ kháng chiến cũ « xuất trình », « đầu thú », khai báo cơ sở... Chúng cố dập tắt phong trào cách mạng.

Đêm đêm nghe rõ « tự vệ hương thôn » báo động, anh Út lại phải tay roi, tay đuốc, thất thểu đến nơi tập hợp. Chị Út xách mõ ra đánh cạch... cạch... vài mươi cái trả lễ, rồi quăng thanh củi và cái mõ tre bẻ vào xó nhà.

Những lần như vậy, lần nào chị Út cũng chạy ra, chạy vô ngóng anh về, và anh về đến cửa là chị Út đã hỏi ngay:

— Anh em mình có hề gì không?

Tin cán bộ bị bắt, bị giết đồn dập hàng ngày. Vợ chồng chị thường chờ khi nhà vắng khách, ngồi hên tòi thủ thỉ, khóc lóc:

— Tụi nó làm quá, mình tính sao chú Tư? Thế này thì chết lần chết mòn hết. Mấy chú chết, tụi tui sống với ai?...

Những lời nói thiết tha ấy như truyền thêm sức sống, sức chiến đấu cho chúng tôi, để vượt qua những ngày khó khăn.

Vài hôm sau, anh Út đi chợ Vàm-dình về, mặt biển sắc chạy vào buồng tức tử kêu lên:

— Thôi, chết rồi! Bữa nay bọn lính vô ấp Thứ vãi Rạch-láng bắn chết bảy anh em mình, mổ bụng tại chợ ba người!...

Chị Út đang đỡ con ngủ trên võng, bắn loạn chạy vào nắm chặt tay tôi giật mạnh:

— Chú Tư ơi! Chết hết rồi! Làm sao?...

Lần này chị không khóc nữa. Chị nhìn tôi trừng trừng. Về phần tôi thì hai tai lùng bùng, mặt nóng ran lên! Vợ chồng anh Út nói thêm gì và bước ra lúc nào tôi cũng chẳng biết. Mãi đến tám giờ tối, chị Út bung com vào, tôi mới sực nhớ là chiều nay mình chưa ăn, nhưng bụng vẫn không thấy đói. Ăn lếu lảo vài trái chuối, tôi tắt đèn nằm xuống lắng tai nghe từ tiếng dế ngân nga bên hè nhà và con thằn lằn tặc lưỡi trong xó tối. Văng vẳng ngoài đồng, bảy chó văng chủ tru lên nghe âm ảm. Trên giường anh chị Út chốc chốc lại có tiếng trở mình và thở dài!

Mười một giờ khuya, tôi bước nhẹ xuống đất, anh Út trở dậy đưa tôi ra cửa sau. Theo bờ chuối hậu vườn, tôi đến gặp đồng chí Huỳnh để bàn công tác. Đồng chí cho biết là số đồng cốt cán vẫn vững vàng, nhưng có bản khoăn lo lắng trước tình hình địch khủng bố. Nhất là bọn lưu manh « ác ôn » trong xóm làm tay sai cho giặc, bới lòng tìm vết, nên có một ít cốt cán hoang mang không dám liên hệ với ta. Có cả một vài người bị bắt ra « xuất trình » với bọn ngoài đồn, chưa biết có khai báo gì không!

Tôi bàn với Huỳnh là phải « tạm lắng » (1), nhưng liên hệ với số người chao đảo. Cần phải nắm chắc

1. Nằm êm tạm thời ngừng hoạt động.

những người có tinh thần vững hiện đang nằm trong các tổ chức của địch để phá rã hoặc làm cho chúng khắp khênh không hoạt động được.

Chúng tôi nhắc nhở, động viên nhau hoạt động cần thận và quyết tâm bám quần chúng, bám cơ sở.

Sao cây chành chềch ngã về tây, tôi và Huỳnh ôm hôn nhau rồi chia tay. Không hiểu vì sao lúc này chúng tôi thương nhau quá! Tôi bước chân vào, vừa đến cửa sau thì anh Út đã chờ sẵn, giở cửa cho tôi vào. ít lâu sau nhà anh bị lộ, tôi ra ngoài hoạt động.

Lúc đầu chúng tôi chưa có kinh nghiệm ở lùm, bụi, sống cảnh không chòi trại, dầm mưa, dãi nắng. Trong hoàn cảnh này, chúng tôi cũng chưa biết cách trốn địch, nên hễ thấy chúng huy động « tự vệ hương thôn » càn vào thì tốp năm, tốp bảy chúng tôi cứ chạy lung tung. Chúng nó thấy bóng người hoặc dấu chân còn đục nước, thì càn lùng kiếm dữ. Khi địch đuổi « nà », « nột » quá, chúng tôi lủi dưới rặng ủ (1), lùm ô-rô « chêm vè » (2), mặt mày, mình mẩy đều xây xát. Do đó anh em thường bị bắt.

Trước tình cảnh khó khăn này, chúng tôi tìm cách mở rộng liên hệ với các xã kế cận mà tình hình còn tạm yên để tránh né, tạo điều kiện trở về hoạt động trong xã. Nhưng tình hình vẫn không khá lên hơn. Chúng tôi vẫn vất vả, khó khăn, thỉnh thoảng phải đưa những đồng chí đã rời cơ sở « tạm lảng » đi theo những người thân thích. Tôi còn nhớ mãi đêm tiễn lão đồng chí Hai

1. Một loại cây rừng mọc từng lùm, có rất nhiều ở Nam-bộ.

2. Ẩn trốn dấu mình xuống sinh, trong bụi rậm, như con nà ba khi bị săn.

và nữ đồng chí Hậu đi Sài-gòn. Suốt đêm chúng tôi ngồi bên nhau, tâm tình, quẩn quít như không muốn rời nhau trong cảnh hiểm nguy này! Nữ đồng chí Hậu khóc li bì, nài xin ở lại hoạt động. Sáng hôm sau đôi mắt chị đỏ hoe và sưng húp. Chị uể oải bước xuống xuống ba lá ngược dòng sông Thọ-mai về hướng Cà-mau. Chúng tôi lặng lẽ nhìn nhau, không nói nên lời, như muốn hỏi nhau rồi đây ai còn ai mất!

Chúng tôi còn ở lại chia mỏng ra từng tổ ba người, thường ngày kể cho nhau nghe những tấm gương hy sinh, dũng cảm, nêu khi tiết của các đồng chí Trần Phú, Hoàng Văn Thụ, Nguyễn thị Minh Khai, Lý Tử Trọng... hay những gương gần hơn như Phan Ngọc Hiền, Trần Văn Thời... những chiến sĩ cộng sản đã khởi nghĩa ở Hòn-khoai năm 1940 trong huyện nhà.

Chúng tôi góp ý kiến với nhau tạo ra các chỗ tránh né, lúc đầu còn sơ sài, dần dần càng chu đáo hơn. Mỗi người chúng tôi đều có nhiều cách tránh né, nhưng nói chung là « chém vè ». Mỗi khi địch tới, chúng tôi biến thành con nhộng thụt xuống hang « thòi lòi » nước pha bùn sền sệt, chịu một, hai tiếng đồng hồ lạnh cứng cả người. Có khi địch dẫm lên người mà vẫn không biết có chúng tôi ở dưới chân chúng. Mỗi lần như thế chúng rút đi, đồng chí Hạnh trong tổ tôi, dưới góc ráng nhảy lên vuốt râu như Thồ-hành-tôn rồi tru bộ hát tàu mã. « Chúng tao ở đây mà bay không biết à! » Một chân anh co lên, mình anh quay tròn hai, ba vòng, miệng hự... hự... Tất cả đều bụm miệng cười sùng sục và kéo nhau đi tắm, mặc quần áo vào.

Qua mấy lần như vậy, địch dẫn « tự vệ hương thôn » vào bao vây lục soát, chúng tôi không ai bị bắt hết.

Anh em vô cùng phấn khởi, tin tưởng lối « chém vè » độn thổ tuyệt diệu này. Số người trước kia nơm nớp lo sợ, tối ngày ngồi khoanh tay rế, đôi mắt dăm chiêu nghĩ vơ vẩn, nay cũng vui cười đi móc hang, tạo chỗ « chém vè ». Sáng kiến này được phổ biến nhanh trong xã.

Cái ăn hồi ấy cũng rất gay go. Lúc đầu anh chị em cơ sở còn giả vờ đi bắt chuột, đốt đồng, nơm rần, lươn... trong ruộng, hoặc bắt cua, bẻ bần, đốn ráng ở mé biển về làm chổi để liên hệ và đem cơm nước cho chúng tôi. Nhưng lần lần bọn điềm chỉ viên « ác ôn » trong xóm ấp theo dõi gắt gao và ra lệnh cấm không cho quần chúng vào rừng và đi đồng vắng lẻ tẻ, không được nấu cơm dư. Ai trái lệnh, chúng buộc tội liên hệ với « Việt cộng », tiếp tế cho « Việt cộng », và bị bắt bớ, đánh đập hoặc đưa đi xã, quận học « cải huấn » mười lăm ngày hay cả tháng trời bỏ phế công việc làm ăn.

Tối, nhà nào có ánh lửa, bọn tay sai của địch trong xóm ấp nghi có cán bộ ta về, đến rình rập. Chạng vạng, nhà nhà đều đóng chặt cửa, mọi người chun vô mừng nói chuyện thì thầm. Chỉ có một vài ngọn đèn măng-sông sáng chói ở nhà mấy tên « ác ôn » đang nhậu nhẹt, la lối om xòm, bên ngoài có « tự vệ hương thôn » canh gác. Xóm làng vắng lạnh như bãi tha ma !

Nhưng đồng bào ta không chịu thua chúng nó. Dựa vào lệnh của bọn chúng bắt gói bánh cho « tự vệ hương thôn » đi càn quét, đồng bào gói thật nhiều bánh tét tiếp tế cho chúng tôi. Có khi chúng tôi phải ăn liên năm, bảy ngày để thế cơm. Học kinh nghiệm các bậc

lão nông, chúng tôi đem bánh tét ngâm nước, ăn đòn nào vớt lên đòn nấy. Nhờ thế, bánh để lâu hàng tháng cũng không thiu thối, ăn vẫn rất ngon. Tỉnh trưởng đồng bào cũng đem được cơm cho chúng tôi. Hột cơm đối với chúng tôi quý như vàng, nhưng cũng không bằng tinh thần của đồng bào vượt hiểm nguy, qua mắt cú vọ của bầy chó săn Mỹ Diệm đưa cơm đến cho chúng tôi. Có khi cơm thiu đến nhót, chúng tôi bọc trong khăn, gột nhót đi ăn thấy ngọt làm sao! Ngon hơn những bữa giỗ!

Một lần, địch lùng ngoài mé hiền, tôi và một đồng chí nấp dưới mấy cọng lá dừa nước, bên một gò mả, sát đường lộ cái, gần nhà của Quế. Quế là một thanh niên nông dân hiền lành, chất phác, thường ngày nhu mì như một cô dâu mới về nhà chồng, chòm xóm ai cũng mến thương. Anh rất tích cực và sắp được kết nạp vào Đoàn « Thanh niên Nhân dân ». Một hôm anh đem cơm cho tôi, trở về vừa tới bờ cái thì gặp mấy tên « ác ôn » dẫn « tự vệ hương thôn » đi nắm đường ban đêm. Chúng hất Quế trối lại đánh đập tàn nhẫn rồi đem nhận nước. Tôi hồi hộp lắng nghe. Tiếng Quế thở phì, ung ủng dưới nước, nhỏ dần đi rồi im bặt. Tiếng thét của tên « ác ôn » Quế vang rân: « Mày liên hệ với ai? Ở đâu? Khai đi thì được sống... ». Chúng tôi chờ đợi tiếng trả lời của Quế, tiếng trả lời quyết định sinh mạng chúng tôi lúc bấy giờ. Mãi một lúc lâu, chỉ nghe giọng của Quế mệt nhọc, đau đớn: « Tôi đi tiêu, không có liên hệ với ai hết! ». Tuy vậy, để thật bảo đảm, tôi và đồng chí kia hò xuống mé sông, tránh đi nơi khác.

Mấy hôm sau, tôi nghe kể lại là anh Quế bị đánh đập, hành hạ đủ cách nhưng vẫn không khai gì. Chúng nó

dẫn nhau vô xét nhà anh, xem khắp nơi để kiếm cán bọ, nhưng không có. Tèn Quế lại dẫn anh Quế ra đánh đập nữa và cuối cùng chúng bắt « tự vệ hương thôn » lấy cây đề cõ anh xuống, hấn móc mắt anh, lúc đầu móc một mắt sau móc luôn cả hai mắt... Quế bị móc mắt ngắt đi mấy lần, nhưng vẫn không khai một lời. Nghe những tiếng rú lên của anh, mẹ anh nhiều lần ngã lăn ra bất tỉnh!... Bà con lối xóm chạy đến đứng xa xa nhìn anh gạt nước mắt xót thương và căm thù.

Móc mắt anh xong, chúng còn đập Quế đến chết, kéo xác bỏ dưới mương sinh. Sau đó, đồng hào chôn anh bên cạnh hai năm mộ chưa ráo đất của hai đồng chí khác, bên miếu thờ thần, chỗ gốc vườn của chú ba H...

Về ngủ, hồi bấy giờ chúng tôi cũng lấm vết vả! Lúc đầu chúng tôi không ai có mùng chiếu gì, tối muỗi kêu tọ sáo thối, bu như rầy trấu. Da thịt chúng tôi sần lên như da cóc. Chúng tôi phải một đĩa ngủ, một đĩa đuổi muỗi, cứ thế thay phiên nhau, nhưng nào có ngủ được, chỉ khi nào mới mòm lấm mới thiu thiu được một chút! Đêm nào mưa thì chúng tôi thức sáng đêm. Chúng tôi không dám đốt lửa hun muỗi, sợ bọn diêm chỉ viên trong xóm nhìn thấy, sáng ra vạy bắt.

Sau chúng tôi nhờ đồng chí Bền phổ biến cho cách ngủ « mùng nước ». Đồng chí Bền khi trước ở đợ cho địa chủ, có kinh nghiệm bày cho chúng tôi: lúc ngủ thì cởi hết quần áo, trằm mình dưới nước, cổ lộ lên như rùa, và lấy cây kê đầu, nón lá úp lên mặt, vành ngập nước, thế là từ đó chúng tôi có đủ cả chăn mùng... Nhờ vậy mà tối nào, chúng tôi đánh một giấc ngon lành!...

Hồi ấy tên quận trưởng chuyên tập trung bọn tay sai « ác ôn » và « tự vệ hương thôn » các xã đưa đến đây

tiếp tay với lũ « đồ rắn » chà đạp cơ sở Cách mạng để « rút kinh nghiệm ». Khắp nơi trong xã từ mé sông, trong vườn, ngoài ruộng, bờ đìa, lùm bụi... đều có dấu chân của « tự vệ hương thôn » và dấu giày đinh của bọn Nghĩa, chúng căng tay nhau quần nát, chỉ còn trơ trọi những cổ hũ phơi mình dưới nắng hạn như thiêu. Bọn « ác ôn » trong ấp, theo lệnh tề xã dẫn chó chạy rông quần quật ngày đêm chui vào lùm bụi xóm bắt cán bộ. Ngày nào cũng có người bị bắt, bị giết. Mạng người rẻ hơn con vật. Tên Quến, tên Kềm, đội trưởng « tự vệ hương thôn » ở ấp cũng có quyền đập chết người, chỉ cần gán cho họ mấy tiếng « Việt cộng », phạm « Luật 10/59 » là đủ!

Bọn chỉ huy « đồ rắn » và mấy tên « ác ôn » trong ấp bắt buộc « tự vệ hương thôn » sầm xom, xom những nơi nghi cán bộ ta tránh né. Thế là chúng tôi lại gặp thêm một khó khăn mới. Chỗ ăn ở chúng tôi phải hết sức giữ gìn để không có một dấu vết gì. Chúng tôi phải thiết tha yêu mến từng cây sậy, cọng rơm ử, đám cỏ xanh, đi tiêu ra cũng phải chôn thật kỹ, sợ chúng nó đánh hơi tìm thấy. Chúng tôi thường rời chỗ ở tùy theo chương trình bao vây của địch. Nơi nào chúng sục sạo qua, tối chúng tôi kéo lại ở đó. Vắng vài ngày địch không cần quét, chúng tôi đâm ra lo lắng, không biết tuôn trở lại chúng nó cần nơi nào trước!... Cứ như thế mà chúng tôi tránh chúng, và mỗi lần như vậy chúng tôi đều nhận được quần áo, vải mưa, thuốc uống, bánh trái, thuốc hút... của anh em « tự vệ hương thôn » để lại trên đường đi cho chúng tôi.

Lối chài xát nguy hiểm nhất của địch hồi ấy là chia nhiều cánh bao vây rồi họp điểm dậm cù⁽¹⁾. Có lần chúng tôi lọt vào giữa rún⁽²⁾ vòng vây của chúng. Anh em « tự vệ hương thôn » dậm trúng chỗ chúng tôi, nhưng lại lấy chân đá đá ráng đây kín chúng tôi lại rồi đi, hoặc khi tìm gặp chỗ chúng tôi nấp, anh em ngồi lên trên đá hay ỉa để tui « ác ôn » không đến xem. Nhờ vậy chúng tôi đã thoát khỏi nhiều lần nguy hiểm. Nhưng có lần rúi ba đồng chí bị bọn « ác ôn » xom trúng. Chúng nó bắt ba đồng chí đem về đưa ra giữa đám « tự vệ hương thôn », bắt buộc mỗi người phải cùng chúng đập ba đồng chí một gậy cho đến lúc thân thể các đồng chí thành đồng thịt vụn lộn xương, mỡ óc, máu me nhầy nhụa!... Trước cảnh ấy nhiều người đã quay mặt đi, rung rung nước mắt, (vì sợ chúng nó nghi).

Hồi ấy, chúng tôi không có một tắc sắt để tự vệ, chỉ lấy tinh thần và mưu trí chống lại kẻ thù. Nhưng tối tối chúng tôi cũng lần mò vào xóm hoạt động theo lối « đơn truyền » và gửi thư tranh thủ, giáo dục bọn « ác ôn », chỉ huy « tự vệ hương thôn ». Mỗi lần làm việc ấy kể như là vào sanh ra tử. Vào xóm chúng tôi không dám đi đường mòn bờ ruộng, sợ để lại dấu chân, hoặc gặp mấy tên chó, săn rình mò. Mùa mưa chúng tôi ngồi mình đi dưới kinh, dưới lung⁽³⁾ hay lội ruộng. Đi một đôi chúng tôi lại ngồi xuống nhìn quanh và

1. Lối sục sạo bắt chuột đồng ở Nam-bộ, sục sạo vòng rộng rồi vây hẹp dần lại.

2. Rún.

3. Chỗ trũng, đường trũng.

lắng nghe từng tiếng động... Cứ thế từ từ vô xóm. Đến hậu vườn, chúng tôi ngồi xuống nghe ngóng hàng giờ mới vào nhà đồng bào. Có khi chúng tôi vừa vào đến nhà, chưa nói được gì, thì mõ báo động của «tự vệ hương thôn» nổi lên, anh chủ nhà phải xách nước, cầm roi đến nơi tập hợp để đi vầy bắt cán bộ. Tôi ngồi trong nhà chờ anh về để bàn bạc công việc. Trong lúc đó vợ anh vừa đánh mõ, vừa dõm chừng sau trước. Nhiều lần tôi chờ mãi đến gà gáy đôi lần anh cũng chưa về. Vậy là tôi phải lần mò trở về trước lúc trời sáng, công việc chưa bàn được, và đêm sau lại lần mò trở lại...

Tuy chúng tôi ăn ở, đi đứng hết sức kỹ lưỡng như thế, nhưng cách vài đêm vẫn bị bọn «tự vệ hương thôn» rượt một lần. Một hôm tôi và anh Cự đi vào xóm. Cự là một nông dân người to lớn, nước da bánh mật, ít nói ít cười. Mỗi lần anh nói như rựa chém xuống đất. Anh sắp được kết nạp vào đoàn thể, vợ có bốn con dại. Lần nào bị «tự vệ hương thôn» đuổi, anh cũng bảo tôi chạy trước, anh chạy sau và tách qua ngã khác để chúng rượt theo anh. Hôm ấy chúng tôi vừa đến mé vườn, bọn «tự vệ hương thôn» ủa ra bắt. Cự chạy một đôi nhảy qua kinh bị trặc chân⁽¹⁾. Chúng bắt được anh. Tôi nghe anh vật lộn với chúng ạch... ạch... ụi... ụi... Mấy tên ác ôn thì chười thề vang rân. Cuối cùng nghe tiếng Cự kêu lên thảm thiết:

— Anh em ơi! đồng bào ơi! Tụi nó đập tôi chết rồi!...

1. Sai chân.

Trong tình cảnh nước sôi lửa bỏng ấy, có người có tiền thì chạy ra thành lánh nạn. Một số nông dân bị khủng bố quá phải dắt vợ, cõng con tránh đi nơi khác làm ăn. Những xóm ấp ở nơi hẻo lánh, ven rừng, bị tập trung ra mé sông cái, kinh xáng. (1) Đồng bào phải bỏ ruộng vườn, mồ mả ông cha, chen chúc nhau che chối, dựng rạp dưới các tàn cây, gốc dừa...

Gia đình có con em đi tập kết ra Bắc hoặc đang hoạt động cách mạng, hay đã bị chúng bắt giết, đều bị cáo nhà, đồn đến ở miềng đất nhĩ ty (2) sinh lây vùng Vàm Bà Hinh, gần đồn Công ty, xã Quách Văn Phẩm, ven sông Bảy Háp, cách xã nhà hàng hai, ba mươi cây số. Gia đình chúng tôi toàn những người già yếu, phụ nữ, trẻ con, không đủ công sức để che lều, cất trại, đành phải sống cảnh vất vưởng mưa dầm, nắng cháy. Nhiều cháu bé đã chết còm cõi, bệnh tật ở chốn hoang vu này! Có chị sanh chưa kịp hết bấp cũng bị bắt dọn đi. **Thậm** chí có ông lão bảy mươi tuổi, mắt đã mờ, tay **chống** gậy run run, cũng bị tập trung phải chở cả cái thọ đường già (3) theo. Thật là thê thảm!

Bọn chúng hành hạ gia đình cán bộ hết sức tàn nhẫn. Tên tỉnh trưởng Bèn và bè lũ gian ác thường rêu rao: « Giết rắn, giết cho tuyệt nọc, đồn cây phải dứt chồi » (!).

Trong hoàn cảnh ngột thở đó lòng căm thù của đồng bào lên tận cổ! Không thể cúi đầu chịu chết mãi được! Một số thanh niên nông dân trong xã ngấm ngấm đem

1. Kênh đo tàu cuốc đào (xáng: tàu cuốc).

2. Nghĩa địa.

3. Cổ thọ đường.

phẳng (1) phát ruộng ra chặt làm mã tấu để tự vệ và để trừng trị bọn diêm chỉ viên ác ôn trong xóm ấp.

Ở Vàm-xáng, vùng tôi phụ trách, anh em thanh niên đang tuổi quân dịch, một số hợp nhau lại thành tiểu đội, võ trang bằng chét lá (2), mã tấu, giàn thun (3)... Họ cắt máu ăn thề với nhau « sanh tử dữ đồng » và giữ bí mật không cho ta biết. Một đêm cuối tháng ba, tôi và hai đồng chí nữa đi công tác về, bỗng gặp một số anh em đang hí hục đào hố để « xử tử » tên « tự vệ hương thôn ». Chúng tôi phải dừng lại giải thích về đường lối chính sách của ta và tai hại của việc manh động, cuối cùng anh em mới giao lại cho chúng tôi. Vậy là giữa đường chúng tôi phải đeo thêm một gánh nặng, và trở về qua một tuần lễ giáo dục, tên đội trưởng « tự vệ hương thôn » này tỏ ra thành thật hối cải đã được chúng tôi thả ra cho về.

Bên kia, thanh niên ấp Rạch-láng, Trong-vàm cũng tự động mua thùng thiếc về khoét dít làm hom. Anh em bắt mấy tên tay sai của địch đem ra đồng, trồng thùng hom vô đầu để cảnh cáo chúng. Chúng nó kêu cứu khóc hu hu trong thùng thiếc bit bùng, và cứ như vậy lò cò đi khắp ngoài đồng cho đến sáng, chờ người nhà tìm gặp dẫn về, cắt thùng mới rút đầu ra được. Ai trông thấy chúng nó như vậy cũng không khỏi buột miệng cười. Mấy cháu bé thì càng xán lại nó đùa thích thú!

Cùng lúc đó nhiều bản quyết tâm thư bằng máu của nhiều người gồm đủ các lứa tuổi, thanh niên, phụ nữ,

1. Nông cụ phạt cỏ giống như dao rựa dài.

2. Một loại dao to dùng đốn lá dừa nước.

3. Súng cao su.

có cả những nét run run của các bậc lão nông kỳ tên gọi đến cán bộ xin trừng trị bọn ác ôn trong ấp và đòi được võ trang chống kẻ thù Mỹ Diệm. Chúng tôi vô cùng cảm kích và càng tin tưởng ở tinh thần bất khuất của quần chúng. Nhưng hồi ấy vì tình hình chung, chúng tôi lại phải bỏ ra một số thời gian để đi giải thích, khuyên can đồng bào chưa nhen vùng dậy võ trang chống lại kẻ thù!

Bao nhiêu việc trên đã xảy ra trong thời gian chưa đầy hai tháng, từ khi tiểu đoàn « đồ rắn » của địch vào xã Phú-mỹ, chỉ trong thời gian ấy, hơn sáu chục cán bộ, quần chúng bị giết bằng mọi cách dã man, mổ bụng, moi gan, đập đầu... Chúng nó đem cả máy chém đến Vàm-dinh để uy hiếp tinh thần quần chúng. Ba trăm người bị bắt bớ, tù đầy. Khám của quân chặt nịch người.

Ngày 30 tháng tư năm 1959, địch đưa đến hai tiểu đoàn Bảo an, đón trước ngăn sau để rước Diệm đến Vàm-dinh làm lễ ăn mừng « chiến thắng Việt cộng », binh định xong xã Phú-mỹ (1). Bọn tỉnh trưởng, quận trưởng toàn « quân khu Năm » này của chúng đến dự và học « kinh nghiệm ». Trong buổi lễ, Ngô Đình Diệm không tiếc lời huênh hoang khen thưởng chiến công của bọn giết người. Tên cảnh sát Hoàng, tên « đại diện » Bình, kiêu căng nói đồng bào: « Việt cộng là thứ chùm gỏi (1), đàn bà sanh (2) đem sao nấu nước uống

1. Tằm gỏi.
2. Đàn bà đẻ.

cũng hết ». Những câu nói này của chúng, sau đó đồng bào thường nhắc lại với nhau để cười và động viên nhau chiến đấu cho thêm hăng. Ít lâu sau, tiểu đoàn « đồ rắn » rút đi nơi khác. Nhưng bọn ác ôn trong xã vẫn làm hung, làm hỏ, bọn « tự vệ hương thôn » vẫn không ngớt bao vây bắt bớ cán bộ. Nhưng đồng bào ta và cán bộ ta không chịu khoan tay.

Các cuộc đấu tranh của đồng bào chống lệnh canh tuần, tập quân sự, di càn quét... đòi được yên ổn làm mùa, làm rằm nổ ra ở nhiều nơi. Trên đà ấy các cơ sở của chúng ta bắt đầu được khôi phục lại.

Đến lúc ấy chúng tôi mới bắt đầu tìm cách vũ trang cho mình một thứ vũ khí thô sơ để tự vệ. Hoàn cảnh ở lùm, ở bụi phải giữ cho không có tiếng động, nên việc tạo ra được vũ khí rất khó khăn. Chúng tôi phải về trong đồng xin phẳng, giữa, đá mài, và chờ khi trời giông, sấm sét mới đem ra chặt, giữa làm thành mã tấu được.

Tôi còn nhớ một buổi tối trời giông mưa dữ dội, tôi và Cao đem phẳng ra chặt làm mã tấu. Trời đen như mực tàu, chúng tôi phải đợi từng tia chớp để chặt. Cao kèm, tôi đóng. Chớp choáng chớp chửi, tôi đóng phải tay Cao, máu ra như cắt cổ gà... Nhưng đồng chí Cao vẫn cắn răng, nắm chặt cườm tay, hít hà, tặc tặc lưỡi để tôi tiếp tục đóng, chặt cho xong. Mãi đến nửa tháng sau tay đồng chí mới lành. Sau này mỗi lần thấy cây mã tấu lưng lửng bên hông anh du kích, tôi thường nhớ lại đồng chí Cao, nhớ lại những ngày ấy...

..

Tháng 6 năm 1959, chúng tôi nhận được hiệu triệu của tỉnh kêu gọi nông dân đứng lên phá tan các tổ chức phản động « tự vệ hương thôn », « phong trào cách mạng quốc gia » của địch, dành lại ruộng vườn và quyền sống. Tôi còn nhớ hôm nghiên cứu, thảo luận bản hiệu triệu này, chúng tôi đã nhiều lần xúc động, nhất là đến những đoạn trong hiệu triệu nhắc lại truyền thống cách mạng của nông dân Bạc-liêu, nhắc lại cuộc khởi nghĩa Hòn Khoai năm 1940, nhắc lại sự thành công của Cách mạng tháng Tám năm 1945, và thắng lợi của cuộc kháng chiến đánh bại thực dân Pháp, trong đó nhân dân tỉnh nhà đã đóng góp một phần tích cực...

Hiệu triệu của tỉnh như ánh sáng kỳ diệu soi sáng lòng mọi người. Trong buổi họp, chúng tôi ai nấy đều sung sướng phấn khởi. Ai nấy đều hăm hở bàn tính cách phổ biến bản hiệu triệu thế nào cho có kết quả nhất trong đồng bào. Ý kiến rất sôi nổi, dôi dào. Từ nửa năm nay mới có một cuộc họp thế này! Cuối cùng hội nghị quyết định vừa đi phổ biến sâu từng người, vừa phổ biến rộng bằng các đội tuyên truyền xung phong và giao tôi phụ trách đội này, gồm mười bốn đồng chí kể cả nam lẫn nữ. (Về sau đội này trở thành đội du kích xã). Chúng tôi được giao cho một cây « la-banh » (1) gãy háng, một cây « trường » rỗng lòng. Đó là tất cả gia tài về võ trang của xã lúc bấy giờ.

Chúng tôi phân công nhau người về trong đồng bào tạo thêm vũ khí, xin đạn địch đánh rơi, kẻ cắt chòi, xây

1. Một loại súng Pháp.

dụng chỗ ăn ở, mọi việc tiến hành khẩn trương. Ngày 25 tháng 6, toàn đội chúng tôi họp lại để học tập hiệu triệu của tỉnh và bàn chương trình hoạt động.

Trước giờ bế mạc, mười bốn cánh tay đưa lên tuyên thệ, đánh dấu bước tiến lên của phong trào cách mạng trong xã, đánh dấu một ngày đáng ghi nhớ trong phong trào đấu tranh cách mạng của nhân dân xã tôi.

Hai hôm sau, dưới sự chỉ đạo trực tiếp của đồng chí phụ trách xã, chúng tôi đến ấp xóm Mới họp với cơ sở, mở cuộc tuyên truyền lần đầu. Mơ ước từ mấy tháng nay đã thành sự thật! Chúng tôi hiên ngang đi trên đường cái, vui sướng khi nghĩ tới lúc gặp đồng chí đồng bào của mình.

Mười giờ đêm Đội tiến vào xóm theo kế hoạch. Tiếng mõ « tự vệ hương thôn » nổi lên canh cách, hôm nay sao nghe vui lạ... Bọn cầm đầu « tự vệ hương thôn » vẫn xách đuốc, cầm roi chạy rong dọc đường, gọi nhau ỉ ời: « Việt cộng » về... « Việt cộng » về... Bắt nó! « Một lát sau, chúng cũng tập hợp nhau lại, lơ lơ trước sân miếu hơn một trăm tên, đuốc sáng rực. Mấy tên ác ôn hò hét om xòm, chửi thề tục tằn, thúc giục anh em « tự vệ hương thôn » đi bắt « Việt cộng! ».

Bỗng tiếng loa của chúng tôi cất lên, chúng tôi hiện ra, áp tới chặn các ngõ đường, mấy tên hò hét lúc này hoảng kinh lùi trốn như chuột. Không khi trở lại im lặng, mặt mọi người tươi tỉnh lên khi thấy đồng chí phụ trách xã bước ra, theo sau một đồng chí bảo vệ tay bông súng. Đám đông nhốn nháo và có tiếng thì thầm:

— Anh Tư... anh Tư về... Anh Tư còn sống!...

Vẻ hân hoan lộ ra trên nét mặt mọi người. Lúc ấy các cánh di mời đồng bào và phân phát hiệu triệu cũng vừa kéo đến. Đồng chí thăm hỏi đồng bào và chia buồn với những gia đình bị Mỹ Diệm thảm sát. Nhiều người quay về phía bóng tối lau nước mắt. Đồng chí Tư đề nghị anh em thanh niên bị bắt ép vào « tự vệ hương thôn » gom các thứ cây, roi chắt lên để đốt làm đèn lửa trại. Anh em còn do dự thì bỗng trong đám đông một giọng khàn khàn thét to :

— « Tụi bây sao còn đứng đó? Bộ tính làm « phá hoại hương thôn » hoài hả! ».

Vài phút sau, hàng trăm cây roi đều chắt lên thành đống, và ngọn lửa bùng cháy lên, mỗi lúc một cao. Tiếp đó tôi đọc tờ hiệu triệu của tỉnh. Tôi đã phải dừng lại nhiều lần trước sự xúc động của đồng bào. Có người bật ra thành tiếng khóc và phần tôi cũng nghẹn ngào!

Buổi nói chuyện đã chấm dứt nhưng đồng bào vẫn quần quít với chúng tôi mãi. Chúng tôi nán lại nói chuyện riêng thân mật toán năm, toán ba với đồng bào. Đồng bào thì thăm hỏi thăm chúng tôi những ai còn, ai mất, chúng tôi ăn ở ra sao, và cho chúng tôi biết trong xóm ai tốt, ai xấu... Các mẹ, các cha cầm lấy bàn tay gầy của các đồng chí chúng tôi xoa nhẹ nhẹ và bệu bạo: « Con có hình không?... Trông thấy con tội quá Từ ngày các con đi rồi xóm làng mình khổ lắm!... ».

Thấy tôi đầu trần không khăn nón, một mẹ lấy chiếc khăn thêu (1) rằn màu đỏ đang vắt vai quàng lên cổ tôi,

1. Khăn nhỏ vắt vai để lau cốt trầu.

Tôi bồi hồi nhìn xuống đất, ngón chân cái đi đi xuống mặt đường, đôi mắt nóng nóng lên. Bất giác tôi nhớ đến mẹ tôi đang giam mình trong khu tập trung Vàm Bà Hình!... Tôi siết chặt bàn tay khô gầy của bà mẹ, cắn răng lại để khỏi bật ra tiếng khóc!

Mãi đến hai giờ khuya, chúng tôi mới từ biệt đồng bào rút đi. Sáng hôm sau, tin cuộc tuyên truyền đó loan đi như gió! Mọi người bàn tán xôn xao. Mấy tên tay sai của địch cuống cuống lo sợ.

Từ đó chúng tôi liên tục hoạt động không biết mệt. Nhiều đồng chí trong Đội ngày lên cơn sốt, tối cũng nài xin đi công tác cho được. Không mảy-mất-tinh thì chúng tôi chia nhau đi tuyên truyền lẻ tẻ, gây dựng cơ sở, giáo dục bọn diêm chỉ viên, bọn chỉ huy « tự vệ hương thôn », bọn « phong trào cách mạng quốc gia »...

Ban đầu địch đối phó trả đũa dữ dội. Nơi nào chúng tôi đến hoạt động, một vài hôm sau chúng đến sục sạo, khủng bố đồng bào. Nhưng dần dần phạm vi hoạt động của Đội chúng tôi mở rộng, chúng đối phó không kịp nữa, xoay qua kết hợp với diêm chỉ viên bất ngờ đánh vào nơi chúng tôi ở.

Đến ngày kỷ niệm 20-7, Đội chúng tôi chuyển về rừng ông Lục, hoạt động ra Khâu-bè, Rạch Láng và bị bọn chó săn của Mỹ Diệm đánh hơi. Chúng nó ở đồn Vàm-dinh cho một trung đội bảo an gần tám trăm « tự vệ hương thôn » can vào. « Tự vệ hương thôn » đi trước như thường lệ, bảo an theo sau đốc thúc. Chúng chia nhiều cánh đi sâu vào rừng la hét om xòm. Khi gần đến chỗ ở của chúng tôi, chúng tôi dùng loa kêu gọi anh em « tự vệ hương thôn » nên quay trở lại.

Tên Quến, đầu sở chỉ huy « tự vệ hương thôn » có nhiều nợ máu với nhân dân và đã móc mắt, đập chết anh Quế, xóc tới xô anh em « tự vệ hương thôn » tràn lên bắt chúng tôi. Số đồng anh em đứng ngơ ngác nhìn. Một ít tên ác ôn hứa theo nó chạy tới. Chúng tôi tạm thời rút vào một đồi nữa. Được nước, Quến càng quát tháo « tự vệ hương thôn » đuổi theo và ra lệnh đốt chòi, đốt gạo của chúng tôi, rây trên mặt bùn, rồi chúng đâm lên. Chúng lấy cây thọc lưng mấy « bòn » ni-lông chứa nước uống của chúng tôi.

Chúng tôi qua một con rạch nhỏ chảy ra sông Đầm Hà Trường thì dừng lại, tiếp tục giải thích, giáo dục anh em « tự vệ hương thôn ». Anh em cũng đứng lại lơ nhõ bên kia rạch để nghe. Nhưng riêng tên Quến thì từ phía sau cứ hồng hộc chạy lên, đòi mắt đỏ ngầu, miệng gào thét như heo bị thọc huyết. Vừa la hét, nó vừa xô đẩy anh em lợi qua rạch bắt chúng tôi. Chúng tôi tay ghim súng, mã tấu tuốt khỏi vỏ, sẵn sàng chờ bắn. Hắn nhảy lên bờ, đem hết sức bình sinh cầm roi nhắm một đồng chí gần đó đánh xuống! Đồng chí này ôm chặt khẩu súng trường, lạnh lệ nẻ ngang, cây roi của nó gãy làm đôi. Đồng chí ta liền lùi lại ít bước, nạt thật to: « Đứng lại! ». Anh em « tự vệ hương thôn » vẫn hồi hộp đứng im chỗ cũ. Nhưng thằng Quến lại lấy thẳng bằng nhảy bổ vào giạt súng, một tiếng nổ chát chúa từ nòng súng của đồng chí táy vang lên. Tên « ác ôn » ngã lăn ra dây chết. Anh em « tự vệ hương thôn » hoảng kinh đạp lên nhau bỏ chạy.

Sau đó, những khi đi cần quét, bọn chỉ huy « tự vệ hương thôn » không dám đi đầu, đánh hơi sức sạo như

trước. Các cuộc bao vây bắt cán bộ của chúng cũng thưa dần. Tổ chức « tự vệ hương thôn » « phong trào cách mạng quốc gia » bắt đầu tan rã ở một số ấp. Những tên làm tay sai cho địch ở xa đồn không dám hung hăng nữa, hoặc làm đơn với tề xã xin nghỉ việc. Phong trào đấu tranh của đồng bào ta có nhiều thuận lợi.

Mấy tháng sau, nhiều nơi trong xã gây dựng cơ sở lại được. Ở một ít vùng xa địch, cán bộ ta trở về hòa mình trong quần chúng hoạt động hi mật.

..

Vào khoảng cuối tháng Tám năm 1959, một đại đội « thủy quân lục chiến » của địch lại đến xã tôi để làm áp lực cho cuộc bầu cử « Quốc hội khóa 2 » của Diệm. Cũng như với bọn « đồ rắn » trước kia, khi bọn quỷ dữ này vào làng, âm binh lại nổi dậy. Bọn tề, mấy tên ác ôn được dịp trả thù, gây oán, chúng o bế lại các tổ chức phản động, ra mặt khủng bố quần chúng. Phong trào cách mạng lại gặp khó khăn, nhưng nhân dân vẫn không lùi bước. Cùng với việc tiếp tục gây dựng cơ sở, lo chống càn quét, trong xã phát động cuộc đấu tranh chống bầu cử « Quốc hội » gian lận của Diệm. Đội tuyên truyền chúng tôi, ngoài việc len lỏi phát loa, treo băng, thả bè, in truyền đơn, khẩu hiệu... còn mở những cuộc tuyên truyền xung phong sôi nổi, kêu gọi đồng bào tẩy chay trò hề bầu cử của chúng.

Mặc dù bọn thủy quân lục chiến và tay sai của Mỹ Diệm ra sức khủng bố, rún ép, di súng vào hông bắt đồng bào quanh đồn đi, nhưng đến ngày bầu cử của chúng cũng không được một phần ba đồng bào chịu đi

bỏ phiếu! Mấy tên công an, mặt vụ, tề xã, ngồi chóc góc trong phòng bỏ phiếu đến trưa không thấy ai đến nữa, bèn ráp nhau cắt góc phiếu bỏ dồn hết vào thùng, niêm phong kỹ để gửi về tỉnh. Cuộc bầu cử « quốc hội » của Diệm đã « thắng lợi » trong xã tôi như vậy đó!

Qua đến giữa năm 1960, ở các ấp Bà Đàm, Xóm Mới, Vàm xáng đồng bào nổi lên phá rã các tổ chức phản động « tự vệ hương thôn », « phong trào cách mạng quốc gia », tề ấp. Phần lớn tội trước kia làm tay sai cho địch, có ít nợ máu với nhân dân, đều được đồng bào và thân nhân chúng giáo dục, đã biết ăn năn hối cải, ra nhận lỗi trước đồng bào, chỉ có vài tên ngoan cố, ác ôn, chạy ra đồn địch.

Tình hình thay đổi rất mau, và tôi còn nhớ mãi đêm 14 tháng 9 năm 1960, xã tôi như trời rung, đất chuyển. toàn dân nổi dậy phá thế kềm kẹp của địch. Đội tuyên truyền chúng tôi được phân công về phụ trách ấp Ba-tiệm, nơi trước đây tôi đã công tác, và hiện đang có một tiểu đội địch đóng giữ tháp canh, án ngữ cho đồn Vàm-dinh.

Theo kế hoạch đã định, tờ mờ tối hôm ấy, năm trăm nam nữ thanh niên, quần cụt ống, khăn thắt lưng, tay cầm roi, vai mang mõ tre, xếp thành hàng trên một nền nhà bỏ trống. Tôi được phân công nói ý nghĩa của đợt « đồng khởi » với anh chị em trước khi hành sự. Lòng tôi vui sướng không sao nói hết. Sau cùng, năm trăm cánh tay cùng đưa lên, năm trăm tấm lòng quyết tâm giải phóng ấp, xã.

Đội chúng tôi nô nức kéo ra bờ xáng bố trí trước. Ánh trăng lưỡi liềm soi bước chúng tôi đi. Nhìn những đám

mạ già tàn lụi của đồng bào, nhớ lại hai năm trước, đây là những đồng lúa xanh tươi, lòng tôi bồi ngùi, xót xa! Xa xa, trước mặt chúng tôi mờ mờ một dãy cây đen. Xóm làng đang chìm trong bóng tối. Phía tháp canh địch, một bóng đèn le lói sắp tắt rồi!

Đến nơi bố trí xong, tôi tìm ngay đến nhà chị Út. Đồng chí cán bộ địa phương dừng lại dưới gốc ô-môi sát bên đường chỉ cho tôi: « Nhà chị Út đó! ». Tôi ngáy người, lặng nhìn chằm chập túp lều ọp ẹp thu hình dưới tàng cây tối om om. Tôi nghe có cái gì nghèn nghẹn ở cổ. Một ngôi nhà mới cất, ba gian, hiện ra trước mắt tôi, và hình ảnh anh Út đóng cửa sau đợi tôi về!... Không, anh Út đã hy sinh, nhà anh bị đốt rồi. Chị Út bị đồn ra ở đây!

Tôi sực tỉnh lại, khom mình bước vào nhà, khẽ gọi. Chị Út khoát mừng nhảy xuống đất, niu lấy hai tay tôi bệu bạo hỏi: « Chú Tư hả! Chú Tư về!... ». Chị òa lên khóc, và tức tưởi ngồi kể lễ mọi nỗi cho tôi nghe.

Bên ngoài có tiếng người xì xào, tiếng chân soàn soạt, tôi đứng dậy móc quẹt lửa đốt đèn, và nhìn đồng hồ thì đã gần mười một giờ khuya. Dưới ánh đèn, trông chị Út hốc hác, hơ phờ, đôi mắt thâm quầng sâu hút. Mới hơn một năm mà chị đã già đi nhiều! Tôi bước đến gần mừng thăm mấy cháu. Năm cháu bé mồ côi cha đang ngủ say, không một manh áo lạnh, thân hình như những que củi khô, chen chúc nhau trên mấy miếng sạp tre. Tôi lại hồi hồi nhớ anh Út. Ngọn đèn dầu trước mặt tôi nhòa dần...

Trước khi chào chị Út bước ra, tôi báo với chị tin vui: « Mười hai giờ đêm nay mình bao vây uy hiếp tháp

canh Ba-tiệm giải phóng ấp này». Chị Út nghe nói mắt sáng lên, miệng mỉm cười. Chị thò tay vào bó lá dừa lấy ra cái mỗ tre còn xanh, đưa lên :

— Tôi cụ bị đây !

Công sự chúng tôi đào sát tháp canh địch. Đồng bào bao bọc bên ngoài. Càng gần đến giờ hoạt động, chúng tôi càng nôn nao, vừa hồi hộp, phấn khởi, vừa lo với khẩu súng trường, mấy quả lựu đạn làm sao bức rút, bức hàng được tháp này ? Và nếu đồng bào có bề gì thì làm sao?... Nhưng đã đúng mười hai giờ rồi ! Hồi trống linh nổi lên, tiếp theo tiếng trống, mỗ của đồng bào ầm vang khắp thôn xóm, đèn đuốc rực trời. Tiếng loa, tiếng hô khẩu hiệu kinh thiên, động địa. Địch trong tháp canh hốt hoảng bắn chỉ thiên. Tôi cầm loa kêu gọi chúng ra hàng. Ban đầu chúng bắn lại. Chúng tôi hấn trả vài phát súng trường và đốt khí đá⁽¹⁾ để áp đảo tinh thần chúng. Đồng bào phía sau chúng tôi thì nổi mỗ trống và hô khẩu hiệu từng chập. Địch trong tháp canh không dám bắn nữa. Đồng bào lại càng phấn khởi reo hò thúc lại gần tháp canh. Trong tháp canh đèn tắt phụt, địch im lìm. Đồng bào càng tiến sát vào nữa, siết chặt vòng vây. Mỗ, trống, tiếng hô khẩu hiệu, hết đợt này đến đợt khác càng dội vào tháp canh nghe còn khiếp sợ hơn những quả đại bác. Chúng hoang mang bỏ tháp canh chạy về đồn Vàm Đình. Chúng tôi và đồng bào tràn vào như nước vỡ bờ, thu dọn san bằng tháp canh, mở một-linh mừng chiến thắng. Ai nấy đều hả lòng hả dạ !

1. Đất đốt đèn cho vào ống tre đốt nổ như tiếng súng.

Sau mười lăm ngày nổi dậy liên tiếp, các tổ chức của địch ở ấp đều bị lực lượng quần chúng cách mạng quét sạch. Hầu hết xã tôi được giải phóng. Bóng cờ sao phất phới tung bay. Người nông dân vui mừng trở về ruộng vườn. Trên những nền nhà cũ mọc lên hàng nghìn ngôi nhà mới. Các em bé lại tung tăng trở lại dưới các mái trường. Tiếng hát lời ca lạnh lạnh. Điệu múa rộn rịp tung bừng...

Đồn Vàm đình ngày đêm nom nớp lo sợ và cố thủ.

7-1963

GIA ĐÌNH MẸ BA

Tôi nhớ mãi đêm đồng chí Hùng ở ấp Hòa-tân dẫn tôi về nhà mẹ Ba gần cuối xóm. Cái đêm đầu mùa mà mưa sao như xối. Chúng tôi chỉ có một miếng vải mũ để gói đồ, đầu không khăn nón gì cả. Hai đứa phải dầm mình đợi mưa mà đi. Nước chảy xuống mặt rùng rùng, vướt không muốn kịp. Trời tối bùng, không thua một biển mực tàu. Đường trơn như thoa mỡ, tôi phải cố bám sát đồng chí Hùng để đi cho đỡ té.

Chúng tôi đến nhà mẹ Ba thì đã mười hai giờ khuya. Cả nhà đều ngủ, chỉ có mẹ còn thức ngồi lò mò bên ngọn đèn trứng vịt, vá lại chiếc áo rách. Mẹ đã được các đồng chí địa phương cho hay trước là tối nay chúng tôi đến, nên cứ thức chờ mãi.

Đồng chí Hùng vừa nhắc cửa bước vào, mẹ đã biết ngay, chạy tới mở cánh cửa rộng thêm ra. Chúng tôi vừa bước vào nhà thì mẹ đã xuýt xoa :

— Tội quá, tội bây đi sao không có khăn nón gì cả, ướt át như thế này bịnh hoạn làm sao?

Mẹ vừa nói vừa chạy vào lấy đưa cho chúng tôi một chiếc khăn tắm và hộp dầu củ là. Đồng chí Hùng chỉ lau sơ sịa rồi ngồi cạnh ván nói với mẹ vài chuyện về việc ăn ở của tôi, rồi đồng chí lại quày quả dầm mưa ra về. Từ đó mẹ Ba nhận là di ruột của tôi, và tôi là đứa cháu mồ côi được di đem về đây dưỡng nuôi, chăm sóc.

Về đây, nếu không ở trong nhà đồng bào thì cũng chẳng biết ở đâu cho được, vì đồng bằng trống như một tờ giấy trùí.

Lúc bấy giờ là mùa gieo mạ năm 1959. Cái xã Ninh-lợi này không ngày nào là bọn địch không càn vào, không lợi ấp này chúng cũng lùng ấp khác. Hầu như mỗi lần chúng đi là mỗi lần có người bị bắt, bị giết. Mới mười ngày trước đây, ở ấp Tân-tạo kế bên, bắt ngờ gặp anh Bảy Hậu, cán bộ địa phương ở nhà chị Năm Phấn, chúng bắt luôn cả anh và chồng chị Năm. Hai ngày sau, chúng dẫn anh chồng chị Năm về bản ở đầu xóm. Sau đó ba ngày, chúng lại càn vào ấp Rạch Láng, rượt theo một thanh niên. Anh này chạy vụt qua nhà chú Tư Kiên, chúng tìm mãi không thấy, bảo là chú Tư đã giấu anh. Chúng vào bắt đứa con trai chú Tư đánh đập trước sân nhà rồi dẫn luôn về đồn. Chúng còn tịch thu tất cả của cải nhà chú. Thím Tư đã khóc hết nước mắt xin lại đôi trâu để làm mùa, nhưng chúng nhất quyết không cho, lại còn dọa :

— Tao để cho cái ở là may lắm, còn kêu ca đòi hỏi gì nữa. Cái tội chưa chấp « Việt cộng » không chết là phước đức rồi còn đòi gì nữa ?

Và mới hai ngày rày thôi, hừng đông chúng đã vào tới xóm Bầu-tròn. Không tìm được cơ gì để bắt bớ đồng bào, thằng thượng sĩ tinh báo lên nhét mấy tờ tin tức của ta mà chúng bắt được trước đây vào vách nhà bác Tư Long, rồi chúng ập vào vây xét nhà bác. Chúng tra hạch đủ điều, bác vẫn thề là bác không có gì hết. Thằng thượng sĩ bèn kéo xấp tin tức ra dần dần trước mặt bác :

— Ông có biết cái này là cái gì không? Muốn yên thì nên biết điều một chút. Hay là để tôi tùy ý... thì dễ thôi. Bao nhiêu người chết trong xóm chắc ông đã thấy rồi chứ.

Bác Tư tức quá, nhưng nói với bọn này cũng như nước đổ lá môn. Thế là bác gái phải bán nhà, bán cửa, chạy ngược, chạy xuôi, để lo cho bác...

Những tin tức ấy như những dòng nước độc ở nhiều nơi cứ trôi dập về đây. Trong xóm có người lo sợ đến mất ăn mất ngủ. Trước tình hình đó, một hôm tôi ướm dò ý mẹ Ba. Mẹ vừa ngồi ngoáy trầu vừa cười bảo :

— Không có tui bày, không có Hằng thì đồng bào làm sao sống nổi với bọn này. Đồng bào không nuôi tui bày thì bày sống ở đâu? Di không sợ gì cả. Tui nó làm sao mà « tát hết nước » được con?

Nhà mẹ không đông người lắm, chỉ có mẹ, chị Ba con gái của mẹ bị bệnh tê bại, phải chôi gậy đi bằng hai đầu gối từ nhỏ và đến nay đã ba mươi tuổi; vợ chồng anh Sáu, em Nghị, con trai út của mẹ lên mười.

Chị Ba cứ năm bảy hôm là vào coi quần áo tôi có rách không để lấy ra vá. Chị xếp cho tôi từng cái áo, cái quần. Chị thấy tôi thường lấy khăn gói tải liệu, chị may cho tôi một cái túi nhỏ. Hôm nào tôi ăn cơm ít thì chị lo lắng, hỏi thăm tôi có bệnh hoạn gì không.

Vợ chồng anh Sáu mới cưới nhau hơn hai tháng trước ngày tôi lại ở. Mẹ Ba bảo tôi làm việc và ngủ luôn trong buồng anh chị, còn anh chị thì ra ngủ ở chiếc giường phía trước với em Nghị, gần buồng tôi ngủ. Khi nào có động thì anh chị vào để em Nghị ngủ ngoài đó.

Tôi cứ nhìn chiếc mũng mới, chiếc gối êm, nghĩ đến đôi vợ chồng son trẻ, nghĩ đến tấm lòng yêu thương bảo vệ cán bộ chí tình của mẹ, của gia đình, mà không thể không xúc động. Một hôm tôi nói với mẹ :

— Thôi đi để con ra ngoài ngủ với em Nghị, không sao đâu. Anh chị Sáu cứ vào trong đó mà ngủ cho tiện.

Một giây im lặng, mẹ cầm lấy bàn tay tôi bóp bóp, giọng hạ thấp :

— Mày khỏi lo cho tui nó, mày cứ lo cho mày thôi. Mày đi làm việc cho cách mạng, cho đồng bào, chớ có phải đi chơi đâu. Tui bây mà có bề gì thì tao khổ lắm !

Tôi tìm đủ lời từ chối, nhưng vẫn không được. Vợ chồng anh Sáu cũng không bằng lòng, anh nói :

— Tui tôi chỉ lo cho anh thôi. Anh cứ ở trong đó, có gì tránh né mau hơn, với lại có khách không bị lộ. Nói là bà con vậy chứ người ta cũng hay dòm ngó lắm.

Thấy tôi dùng dằng mãi, mẹ ra lệnh cho tôi như một vị chỉ huy giọng vừa nghiêm nghị, vừa âu yếm :

— Đi bảo con phải ngủ trong đó, đừng có cãi lại đi ! Không có gì mà con ngại. Đồng bào sống chết trông cậy ở tui bây thôi. Đối với bọn quỷ dương này, rủi ro một chút không phải dễ đâu con !...

Mẹ còn nói nhiều hơn nữa, nhưng tôi chỉ nghe được chừng ấy. Một cái gì trào lên nghiền nghiền trong cổ tôi, hai bàn tay tôi chới thẳng xuống cạnh ván, ngón chân cái bên phải cứ dũi dũi xuống mặt đất. Tôi không còn nói lại với mẹ được lời nào nữa !

Có những đêm tôi đi bàn công việc với các đồng chí khuya quá chưa về, mẹ cứ chong đèn chờ đợi. Khi

tôi về thì mẹ mới vui và rồi đèn đưa tôi vào tận buồng, rồi mới trở ra ngủ.

Tôi ở đây đã hơn ba tháng. Lúc bấy giờ bọn tai mắt địch ở trong ấy lại rai ló đầu lên cửa quây, đánh hơi.

Một hôm lối mười hai giờ khuya, bọn chúng đã kéo vào xóm, vây chặt lấy nhà mẹ. Tôi đã vào chỗ nấp kín. Địch vừa gọi vừa đập cửa xông vào. Tôi nghe tiếng một cây súng ngấn lên cò lách cách, và tiếp theo là một giọng hằn học :

— Con dĩ già! Nhà mày chứa thằng « Việt cộng » đâu? Người ta mới báo với tao hồi chiều đây. Có chịu đem ra không? Tao bắn bỏ mẹ hết trơn bây giờ!

Em Nghị cứ bám sát vào người mẹ khóc ngặt, mặt tái nhợt. Em sợ mẹ bị giết.

Trong chỗ nấp tôi rút sẵn chốt lựu đạn, nín thở, tim như ngừng đập, mồ hôi tháo ra. Tôi chờ nghe câu trả lời của mẹ.

— Ai nói với mấy ông là nhà tôi chứa « Việt cộng »? Kêu người đó lại coi. Nhà tôi đó, mấy ông ngibi thì xét, có thì cứ bắn tôi đi.

Giọng mẹ cứng rắn, vững vàng, ai nghe cũng không thể nghi ngờ gì được. Nhưng tên chỉ huy sừng sộ quát to :

— Ê, cái con mẹ già này, người ta nói dễ nghe quá mà, lại muốn làm dữ hả?

Mẹ vẫn bình tĩnh trả lời lại :

— Tôi bảo là nhà tôi không có « Việt cộng », mấy ông thì đề quyết một một hai hai phải có. Như vậy mà biểu người ta nín làm sao cho được?

Tên kia phải dịu giọng xuống, nhưng vẫn còn cười đều giả :

— Nói vậy chứ không ai bắn giết gì đâu. Nếu có lẽ nuôi « Việt cộng » thì đem nó ra đi, chính phủ sẽ trọng thưởng và còn biết ơn nữa...

Không biết một anh lính nào đó đứng bên ngoài đã buông thõng một câu :

— Người ta nói không có thì thôi, về phứt mẹ cho rồi, còn ở đó chặn đầu chặn đuôi!

Giọng mẹ hạ thấp có vẻ thuyết phục :

— Ông cứ hỏi bà con lối xóm thì biết mẹ con tôi ăn ở như thế nào mà...

Tên chỉ huy ác ôn gạt phắt câu nói của mẹ, rồi cộc lốc ra lịnh :

— Xét nhà!

Chúng bởi không sót một chỗ. Mẹ bồi hộp theo dõi từng ánh đèn pin, từng bước đi sục sạo của chúng. Tìm không được một lông vết gì, chúng quay qua anh Sáu, găm gừ :

— Thắng này là thắng nào?

— Dạ, con trai tôi.

Tên ác ôn cắt ngang :

— Không con cái gì cả. Bắt về đồn sáng mai rồi sẽ biết.

Rồi bọn chúng hồng học kéo nhau ra về, lỏi anh Sáu đi. Chị Sáu chạy theo níu chồng lại. Tôi nghe một tiếng « bịch » của báng súng đập vào người chị. Chị rú lên : « Trời ơi ! ». Tiếp theo là giọng hách dịch của tên chỉ huy :

— Con dĩ này muốn chết theo chồng hả? Về đồn sáng mai coi không có gì người ta thả về, chớ làm gì như đám ma vậy?

Chị Sáu thét lên :

— Chồng tôi có tội tình gì mà nửa đêm mấy ông lại bắt như vậy? Mấy ông muốn bắt ai thì bắt, hấn ai thì hấn, dân nào sống được với mấy ông?

Chúng lại dùng báng súng đánh chị bình bịch. Chị càng thét to :

— Trời ơi, chết tôi rồi! Chính phủ gì mà ác quá vậy. nhân dân mở miệng ra là đánh đập, là bắn giết. Vậy mà nói thương dân, thương chỗ nào?

Chúng nhào tới đập chị té lăn mấy bận xuống bờ ruộng, quần áo quần đầy sinh, đầu tóc xổ tung.

Mẹ Ba cũng đã bương bả chạy theo, vừa khóc vừa kêu :

— Tôi chỉ có hai đứa con trai, nó là lớn, mấy ông bắt nó thì ai làm nuôi gia đình tôi, thôi thì mấy ông giết tôi đi cho khuất mắt, chớ sống như vậy còn sống làm chi?

Giọng tên chỉ huy quát tháo vọng lại :

— Hai con dĩ chó đó chạy theo là khóc mãi, tụi bây cứ bắn nát đầu nó đi.

Một anh lính lùi lại sau khuyên mẹ :

— Thôi bác và chị trở lại đi, thằng đó đêm nay nó điên lên rồi.

Thế là mẹ Ba và chị Sáu đành phải quay về, vừa đi vừa nguyên rửa chúng. Về đến nhà mẹ chạy ngay vào báo tin cho tôi biết :

— Tui nó đi hết rồi con ơi!

Tôi ra khỏi chỗ nấp. Chị Sáu còn ra phía ngoài nhìn quanh mấy lượt. Trong nhà bọn chúng tốc quần áo vút lung tung, đến chiếc chiếu cũng ném xuống đất, vách nhà thì bị lười lê xom nát...

Tôi bàn với mẹ và chị Sáu cách đấu tranh với bọn địch sáng mai, còn riêng tôi ngay trong đêm đó phải buồn rầu rời đi nơi khác. Mẹ và chị cũng thấy là tôi phải dời chỗ ở, tuy vậy nhìn tôi bước ra cũng ngùi ngùi. Mẹ cầm tay tôi hồi lâu rồi nói:

— Con đừng sợ di phiền gì cả. Không phải vì con ở đây mà tui nó mới bắt thẳng Sáu đâu. Nbur chó điên, lúc này nó muốn cắn ai thì cắn. Nhưng không sao đâu con ạ!... Thôi con cứ đi, ráng giữ kỷ nghe con!...

Mẹ với tay lên vách lấy đưa cho tôi một miếng vải mũ:

— Con lấy mà che đỡ.

Mẹ bưng chiếc đèn con cóc bước đến kéo cánh cửa mở rộng ra một chút. Tôi lách mình bước ra, đi giữa đêm khuya. Trên trời mây đen, đường tối sẫm, mưa bắt đầu rớt hột!...

Tôi rời khỏi nhà mẹ Ba hai mươi ngày thì được tin của đồng chí vừa đi ngang qua đây cho tôi biết là sáng sớm bữa thứ năm sau khi anh Sáu bị bắt, mẹ Ba và chị Sáu đem cơm ra cho anh thì bọn địch đã mở bụng anh trước đó vài giờ. Chúng vút xác anh ở một bãi lầy cách đồn hai trăm thước. Một anh lính nói với mẹ Ba là anh Sáu đã chửi bọn giặc rất dữ, đến khi bị bọn chúng đè ra mổ bụng anh còn hô mấy khẩu hiệu mới chịu im.

Mẹ Ba và chị Sáu vừa khóc thảm thiết vừa nguyện rửa bọn giặc, và đỡ xác anh lên xuồng. Ruột gan của

anh tuôn ra nhầy nhựa sinh bùn. Hai tay anh vẫn còn bị trói chặt, nhiều vết bầm tím còn hằn rõ trên mặt, một cái răng của anh bị gãy và môi sưng vù lên...

Nghe tin ấy lòng tôi như xát muối. Tôi không thể nào xua đuổi được ý nghĩ ấy này là anh Sáu đã chết vì mình, mẹ Ba đã hy sinh một đứa con vì mình. Tôi nhớ lại lời mẹ dặn tôi hôm tôi ra đi khỏi nhà mẹ :

— Con đừng sợ di phiền gì cả!

Lòng của mẹ vì đại quá! Cái chết của anh Sáu cao quý quá!... Đêm ấy tôi nằm trằn trọc suốt đêm, lại nhớ từng ngày trong nhà mẹ, sống giữa gia đình mẹ. Tôi nhớ lại những đêm khuya mẹ bùng đèn vào lần màn soi từng eon muỗi... Những lúc ấy tôi không ngủ, nhưng cứ nằm im, không dám nhúc nhích. Đêm nào chó sủa dõng ở đầu xóm là đêm ấy mẹ thức suốt đêm đi vào đi ra, bận khoản lo cho tôi.

Nhà mẹ chỉ có bốn cây dừa nước ở trước mặt nhà, không nhiều trái, nhưng cứ cách bốn, năm buổi trưa nắng, là mẹ lại chặt đem vào cho tôi uống. Tôi biết là trong nhà chưa ai uống, nhưng mẹ cứ hạo đã uống cả rồi... Hôm nào đi đâu về, có món ăn gì mẹ cũng để giành cho tôi, có khi anh chị Sáu trong nhà chưa được ăn. Những bữa cơm tôi ăn thường không vắng cá. Trời mới mưa xuống, kiếm được cá rất khó, thế mà anh Sáu vẫn cố tìm cho tôi có ăn. Anh thường tâm tình với tôi :

— Tôi mà được đi công tác như anh thì thích lắm, chớ đối với bọn này mà bó tay bó chân đề rồi chết già thì nhục lắm anh à!

Tôi cũng thường đem nhiều chuyện nói với anh, chuyện cách mạng, chuyện kháng chiến, chuyện đấu

tranh ở các nơi hiện nay, chuyện ngày mai miền Nam chúng ta được giải phóng, nước nhà thống nhất, xây dựng lên... Vậy mà giờ đây anh không còn nữa!

...

Tháng 10 năm 1961, tôi có dịp đi công tác ngang một ấp gối đầu với ấp mẹ Ba ở. Mặc dầu dừng chân ở đây không đầy hai giờ, tôi cũng xin đoàn công tác chạy đi thăm mẹ và gia đình.

Tôi nhìn thấy rõ trong mảnh vườn nhỏ của mẹ bây giờ có một nắm mộ, cỏ lên xanh, nhưng vẫn còn phủ ngang qua một chiếc chiếu đã mục.

Thấy tôi đến, cả nhà chạy ra mừng. Mẹ Ba xằng xái nắm tay tôi dắt vào nhà. Em Nghị quần quít bên tôi nói đủ chuyện...

Quê mẹ ngày nay đã được giải phóng. Em Nghị giờ đã được mặc chiếc áo mới. Mẹ đã sắm được chiếc ô dựng trầu bằng nhôm và chiếc áo túi màu nâu còn thơm mùi vải mới... Trong nhà mẹ đã đổi khác, nhưng vẫn trống trải, thiếu anh Sáu! Bất giác giữa những câu chuyện vui của mẹ, của em Nghị, của chị Sáu, tôi lên quay nhìn về phía bàn thờ của anh Sáu đặt ở căn nhà bên trái, kế cái buồng anh chị đã nhường cho tôi năm ngày trước. Trên bàn thờ, có bức ảnh của anh. Anh như nhìn tôi mỉm cười... Tôi quay lại hỏi mẹ về chuyện trong gia đình sau ngày anh Sáu bị giết. Mẹ cho biết tôi đi khỏi nhà mẹ rồi thì hai tháng sau lại một đồng chí khác đến ở trong nhà, và mẹ lại chăm sóc anh ấy như đã chăm sóc tôi trước đây.

MÁ NĂM

Đồng chí Ba dẫn tôi đến nhà má Năm.

Chúng tôi đi tắt đường đồng, phải vượt qua hai con lung (1) lầy lội, có chỗ lún đến ngực. Vì vậy mười một giờ đêm mới đến nơi.

Khi chúng tôi đến gần nhà má, bỗng thấy giữa đêm tối có một ánh đèn dầu lửa cứ quơ qua quơ lại như đèn ai soi cá. Chúng tôi dừng lại xem chừng. Ánh đèn khuất đi, chúng tôi tiến tới. Bỗng ánh đèn chĩa vào phía chúng tôi, chúng tôi mộp xuống sát đất. Ánh đèn thoáng lướt qua trên chúng tôi, người cầm đèn nhìn trên chỗ chúng tôi vừa núp xuống. Đồng chí Ba cũng vừa nhận ra đó là má Năm.

Biết chắc là má, chúng tôi nhắm theo bóng má mà lội tới. Nghe tiếng bước chân của chúng tôi, má quất ngọn đèn xoay đi phía khác, để ánh sáng khỏi hắt về phía chúng tôi. Chúng tôi đến gần, chưa kịp chào, má đã phát vào vai anh Ba hai ba cái và nói lấy:

— Hẹn tám giờ mà bây giờ mới thấy! Tao không dám ngủ, thức đợi mãi, đêm càng khuya lại càng không thấy. Tao tưởng là bây « cảnh giác » với gia đình!

Chúng tôi chào má. Anh Ba giới thiệu tôi với má:

— Đây là anh Chín... gọi nhà má như bàn hôm trước.

1. Đất trũng đầy cỏ.

Má quay lại xoa vai tôi:

— Thôi, đi!...

Má bước tới, chúng tôi theo sau vô nhà. Nhưng má còn quay ra hú gọi ở ngoài một tiếng, lát sau chúng tôi thấy một em độ mười bốn, mười lăm tuổi chạy vào. Đó là Chấn đã cùng với Bông, đều là con của má, đã thay phiên nhau gác giấc từ đầu hôm đến giờ để cho má đón chúng tôi.

Vào nhà xong xuôi, má nhìn kỹ chúng tôi, thấy chúng tôi ướt đầm, sinh bùn đến tận đầu, má bèn bảo Chấn chỉ chỗ cho chúng tôi tắm rửa. Sau đó chúng tôi phải đi có công việc. Má nghe nói, chạy ngay vô buồng xách ra một nải chuối lá xiêm (1) đưa cho chúng tôi.

Đó là lần đầu tiên tôi gặp má, má đã coi ngay tôi như người nhà. Bốn hôm sau, tôi trở lại ở hẳn trong gia đình má, và từ đó được biết rõ má có cả bảy năm người con: chị thứ hai theo chồng, anh thứ ba đi tập kết, anh thứ tư đi lực lượng của ta từ năm 1958. Hiện nay ở nhà với má chỉ còn có Chấn và Bông.

Bông mười bảy tuổi, nhưng trông lại đẹt hơn em là Chấn, mười lăm tuổi, vì Bông mang bệnh suyễn từ năm lên ba và nhà không có tiền thuốc thang nên không lớn lên nổi.

Hai em rất giỏi, nghề làm ruộng việc gì cũng biết. Chỉ tội nghiệp là vì không có trường học nên đều không biết chữ.

Còn ba Năm thì bị Tây bắn một lần với ba mươi lăm người nữa trong kháng chiến. Hồi đó năm 1951, chúng

1. Chuối tây.

nó bắt đầu bảo mình làm đồn « lộ xe » cho chúng. Du kích mình nhắm vào đồn bắn chúng nó chết hoai, nên chúng nó phải rút đi. Hôm đó chúng bắt đồng bào ra sắp hàng dọc. Những người đang làm xâu cho nó tưởng đầu nó sắp cho về hết, nên không kịp lấy nón, bỏ chạy ra chen vào hàng. Ai ngờ thằng Tây trung úy râu ria đã ra lệnh chĩa súng bắn vào : chết một lượt những ba mươi sáu người trong đó có ba Năm. Từ đó, ở đây hàng năm có ngày tuần « giỗ hội » chung cho ba mươi sáu gia đình, chỉ có mấy năm nay là bị cấm tụ họp mới không còn giỗ được nữa.

Kể lại việc này, má Năm còn sôi sục căm hờn, căm hờn bọn Tây trước kia đã giết ba Năm một lần với ba mươi lăm người nữa, và căm hờn bọn Mỹ—Diệm ngày nay lại căm đoán không cho má và các gia đình tưởng nhớ đến những người đã bị giết !

Về đời sống thì má Năm trước kia phải mướn đất nộp tô không đủ ăn, chỉ có từ ngày kháng chiến, nhờ Chánh phủ mình cấp cho ba chục công điền (1), ít công rẫy và vườn, nên năm nào nhà má cũng dư ăn.

Nhưng mấy năm nay vì làm ra phải đóng tô cho bọn tề, với lại vì cảnh bắn giết xảy ra luôn, nên trong bụng má không vui, má chỉ làm năm công đất, còn bao nhiêu thì bỏ hoang. Má nhờ vườn trầu bán mỗi năm ba, bốn ngàn đồng sống qua ngày.

Nghe tôi hỏi đến những việc này, má Năm sợ tôi băn khoăn lo lắng việc ăn uống trong nhà, nên má liền nói tiếp :

1. Bằng ba mẫu tây, một công là 1 phần 10 ec-ta.

— Nói vậy chờ nhà má « cơm Thạch sanh », gạo ít mà ăn hoài không hết. Anh em cán bộ ai đến nhà má cũng cứ ăn, con đừng ngại. Mấy con còn thì Cách mạng còn, nhà má mới có cơm ăn.

Má trên sáu mươi tuổi, đầu bạc như thùng hòng. Tính má hiền, ít nói và làm suốt ngày, làm ra thì bán ít cho nhiều, nên bà con trong xóm đều thương má. Nghe má đau là ai nấy đều chạy đến chắt nhà.

Má không uống trà, nhưng từ khi tôi đến hàng ngày trên bàn thờ của ba Năm đều có nước trà. Từ đó má cũng uống trà để cho tôi uống, và thường đem chuối ra bảo tôi cùng ăn.

Hai em Bông và Chấn thì kiếm cá rất giỏi, và từ khi tôi đến, hai em đã làm trên hai chục cần câu nên ít khi tôi phải ăn cực.

Hai em thường tỏ ý với tôi muốn được đi « Cách mạng », thích nhất là được đi bộ đội. Tôi bèn bày cho hai em làm công tác: đưa thư, lấy tình hình địch... Các em rất hăng, lúc nào cần là các em đi ngay, và khó khăn mấy cũng làm được, không sai sót điều gì. Trong lúc đó công việc nhà các em vẫn siêng năng. Các em lại rất sáng. Tôi dạy các em học chữ, chỉ trong vòng hai tháng các em đã bắt đầu đọc được, viết được.

..

Công việc mỗi ngày càng dồn dập. Có lần tôi hẹn với má tôi đi vắng ba ngày sẽ về. Nhưng tôi đi đến bảy ngày. Lúc về tôi vừa bước vô cửa sau, má thấy mặt liền hớn hớn chạy ra mừng, vừa mừng yêu:

— Mồ tỏ mày, nói đi ba ngày, nay bảy, tám ngày mới về tới. Cờ này⁽¹⁾ chắc bận việc lắm hả con?

Tôi chưa kịp trả lời má đã tiếp:

— Nải chuối lá xiêm để giành cho con chín rục hết. Hai đứa em mày lại giành nải lớn cắt trong buồng cho mày.

Má quay đi xách nồi, định xúc gạo nấu cơm cho tôi ăn. Tôi lục kiếm thấy còn cơm nguội nên cản má lại. Kế đấy Chấn và Bông đi đắp bờ đám mạ cũng vừa về. Thấy tôi, hai em ném cuốc ra khoe, Chấn nắm tay tôi kéo xềnh đi chỉ hũ cá, hũ dưa môn: « Má mần đợi anh về đó! ».

Sau đó ba anh em vô bếp rinh cơm nguội ra ăn với nhau. Cơm nguội, cá kho, dưa môn, chuối chín... Vậy mà má cho tôi ăn chưa được ngon, nên còn chạy ra vườn chọc chanh, hái ớt, cắt rau thơm tiếp thêm vào thức ăn của chúng tôi.

Lúc đó Mỹ—Diệm đang âm mưu đuổi nhà đồn dân. Ở đây chúng sẽ bắt đồng bào đồn hết ra đồn « lộ xe ».

Tôi đem chuyện này ra nói với má. Các em Bông và Chấn buột miệng nói ngay:

— Phải chi mình đem bộ đội về đánh nó hả anh?

Phần má thì cứ chép miệng kêu trời, hết ra vào nhìn nhà, nhìn vườn, nhìn mấy gốc trầu xanh tươi, lại bặm miệng mắng chửi chúng nó. Hết mắng chửi, má lại nhìn tôi ngẩn ngơ hỏi:

— Nhưng để chúng nó di cư được đồng bào thì các con làm sao mà sống?

..

1. Dạo này.

Mấy hôm nay tên chủ ấp đi từng nhà truyền lệnh dời nhà. Nó nói như trả bài:

— Hẹn cho gia đình ngày 30 tháng 6 này phải dỡ nhà dời ra lộ xe. Ai chống lệnh hay cãi lệnh thì lên mà nói với quân giải quyết.

Lúc nó vào truyền lệnh cho má, má hỏi lại nó:

— Ông làm làng (1), nghe lệnh này gia đình ông tỉnh sao? Nó trả lời:

— Tôi đâu hay đó!

Má hỏi tiếp:

— Chớ ông làm làng mà không được miễn sao?

Nó giả không nghe, bỏ đi tuốt.

Từ hôm đó má thường đi quaah xóm nói chuyện với bà con, có lúc kéo chủ Tám là chủ ruột của Bông và Chấn về nhà bàn việc chống đuổi nhà, đồn dân. Ý của mọi người đều đồng tình là nếu không chống lại với súng đạn của chúng nó được, thì đấu tranh xin tạm hoãn việc dời nhà đến sau khi gieo mạ xong sẽ tính.

Bà con trong ấp bèn họp năm họp bảy làm đơn, và hàng ngày thường có trên hai ba trăm đồng bào kéo đến tề ấp, tề xã đưa đơn xin hoãn việc dời nhà.

Bọn tề ấp xã thấy không đối phó lại nổi với đồng bào, chúng phải kêu viện. Năm ngày sau, hai tiểu đoàn của biệt khu mới được thành lập và hai trung đội biệt kích của quân đồ ập về xã. Thôi thì ruộng bố, đánh đập, bắn giết lan tràn trong xã. Chỉ tính riêng ấp 1 và 2, chúng giết chết năm người, mổ bụng ba người, và đã ép dời hai ấp này di cư ra gần đồn lộ xe.

1. Làm tề.